Sơ Lược Địa Lý Nước Việt Nam

Địa Lý Tự Nhiên - Danh từ căn bản

Mạch nước
Nguồn nước
Khe nước
Dòng nước
Suối nước
Thác nước
ghềnh nước
(Con) Mương
(Con) Lạch
(Con) Kinh(Kênh)
(Con) Sông
(Cửa) sông
(Cửa) Biển
Biển (khơi)
Đại dương

Gò
Đồi
Núi (non)
    Chân núi
    Triền núi
    Đỉnh núi
    Ngọn núi
    Khe núi
    Rặng núi
    Dãy (dải) núi
Cao nguyên
Bình nguyên

Vĩ tuyến
Kinh tuyến

Địa Lý Tự Nhiên - Tóm Tắt

Vị trí

- Đông Nam Châu Á
- phía đông bán đảo Đông Dương

Hình chữ S

- khoảng cách từ bắc tới nam (theo đường chim bay) 1.648 km
- khoảng cách hẹp nhất theo chiều đông sang tây 50 km
- bờ biển dài 3.260 km không kể các đảo
- cực Bắc: Lũng Cú (Long Sơn, núi Rồng)
- cực nam trên đất liền: mũi Rạch Tàu (Cà Mau)
- quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Diện tích 331213 km²

- đất liền 324480 km²
- đảo Phú Quốc 589 km²

Địa Hình

- miền núi và trung du
- đồng bằng sông Hồng
- dãy Trường Sơn
- đồng bằng duyên hải miền Trung
- đồng bằng sông Cửu Long
- nội thuỷ hơn 4200 km²

BIỂN ĐÔNG TRÊN BẢN ĐỒ TOÀN VÙNG

Bản Đồ Nước Việt Nam (Trước Năm 1975)

Bản Đồ Nước Việt Nam (Sau Năm 1975)

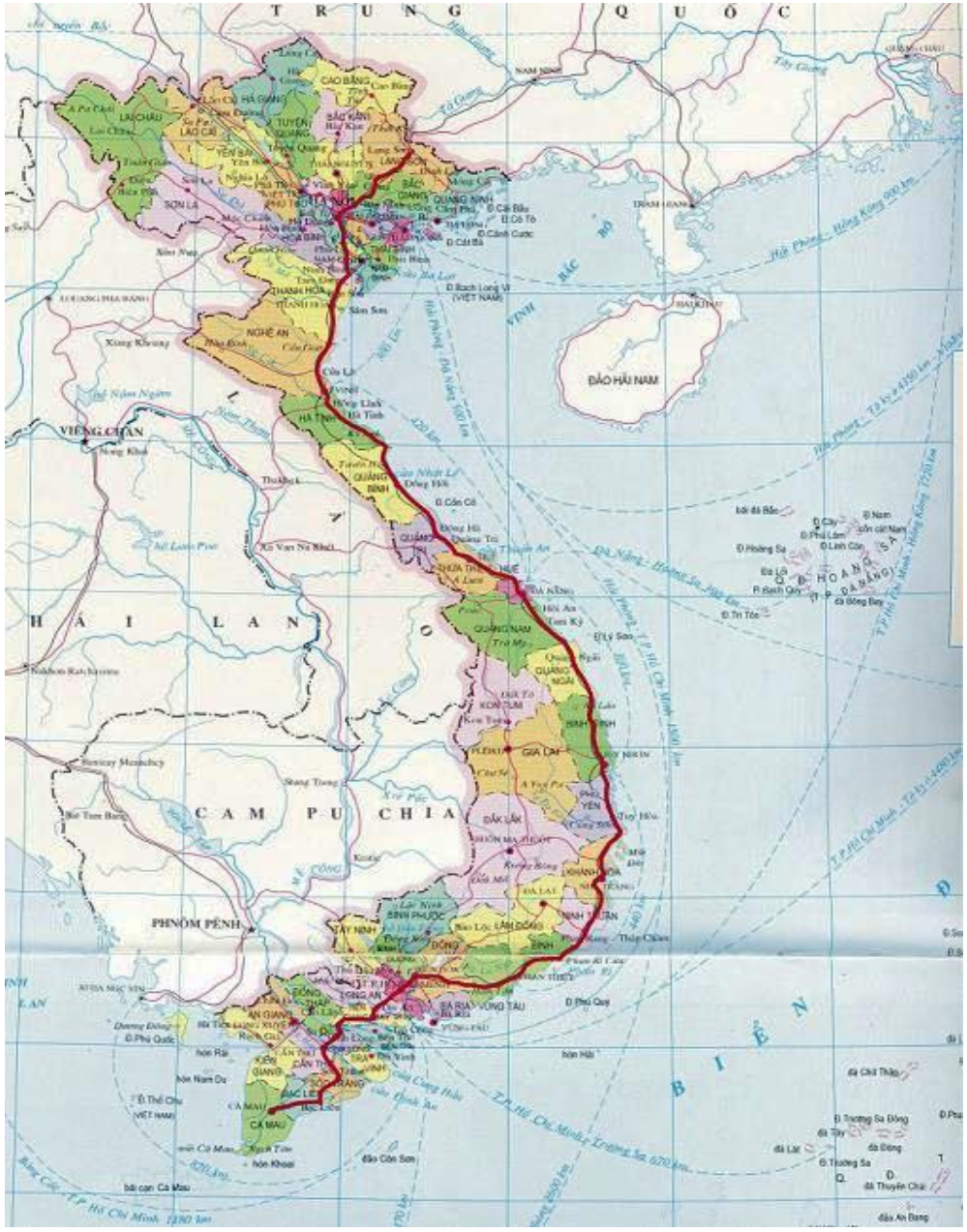

Bản Đồ Địa Lý Tự Nhiên của Nước Việt Nam

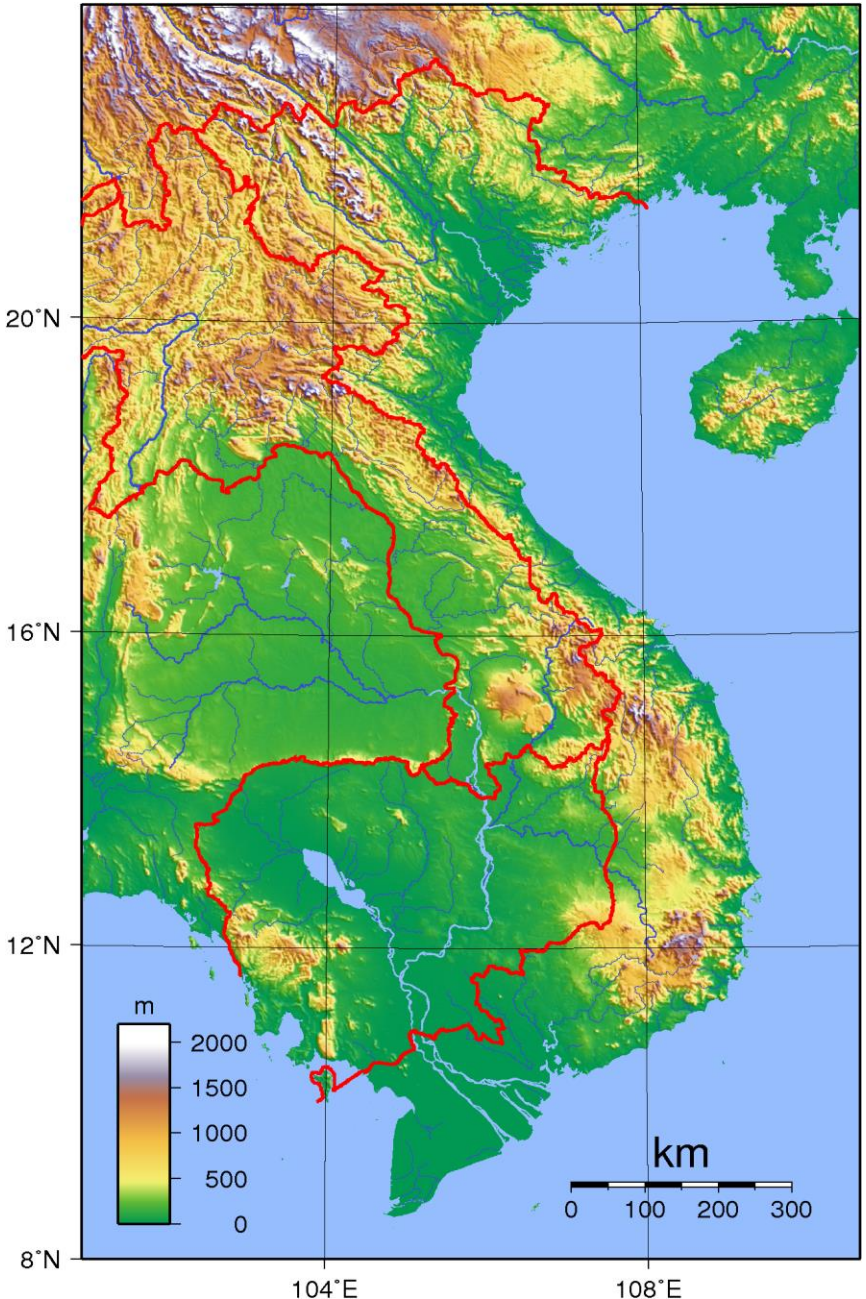

Vietnam and 17th Parallel

Hệ Thống Sông Ngòi Ở Việt Nam

Miền Bắc:
Hệ thống sông Hồng (Hồng Hà)
    sông Thao + Nhĩ Hà
    sông Đà (Đà Giang)
    sông Lô (Lô Giang)
        sông Chảy
        sông Gầm (Gâm)

Hệ thống sông Thái Bình
    sông Cầu (Như Nguyệt)
    sông Thương
    sông Lục Nam

Miền Trung:
sông Mã
    sông Chu
sông Lam (sông Cả)
    sông Hiếu (sông Con)
    sông La
sông Gianh
sông Bến Hải
sông Thạch Hãn
sông Hương (Hương Giang)
sông Thu Bồn
sông Ba (Đà Rằng)

Miền Nam:
Hệ thống sông Đồng Nai
    sông Đa Nhim
    sông Đắc Dung
    sông La Ngà
    sông Bé
    sông Sài Gòn
    sông Vàm Cỏ
        Vàm Cỏ Đông
        Vàm Cỏ Tây
Hệ thống sông Cửu Long
    Tiền Giang (sông Tiền)
        sông Mỹ Tho
            sông Cửa Đại
            sông Cửa Tiểu
        sông Ba Lai*
        sông Hàm Luông
        sông Cổ Chiên
            Cung Hầu
    Hậu Giang (sông Hậu)
        Trần Đề
        Định An
        Ba Thắc**

- *sông Ba Lai đang dần dần trở thành dòng sông "chết.“
- **sông Ba Thắc và cửa Ba Thắc đã bị phù sa lấp mất vào năm 1960. Ngày nay chỉ còn dấu tích Cồn Tròn.

Hệ Thống Núi, Cao Nguyên Ở Việt Nam

Miền Bắc:
- Tây Bắc
  - dãy Hoàng Liên Sơn
    - đỉnh Phan Xi Păng (Fansipan/Phan Si Phăng) 3143 m
    - thị trấn Sa Pa 1500 m
  - dãy núi Sông Mã
- Đông Bắc
  - dãy Tây Côn Lĩnh
    - cao nguyên Bắc Hà 1000 m
    - cao nguyên Quản Bạ 1200 m
    - cao nguyên Đồng Văn 1600 m
  - dãy Sông Gầm (Gâm)
  - dãy Ngân Sơn
  - dãy Yên Lạc
    - Tam Đảo
  - dãy Bắc Sơn
  - dãy Đông Triều
    - vịnh Hạ Long

Miền Trung:
- Trường Sơn Bắc
  - dãy Hoành Sơn
    - Đèo Ngang
  - núi Kẻ Bàng
    - Động Phong Nha
  - dãy Bạch Mã
    - Đèo Hải Vân (Ải Vân, Đèo Mây)
- Trường Sơn Nam
  - dãy núi Ngọc Linh (Ngọc Linh Liên Sơn)
    - núi Ngọc Linh 2598 m
  - dãy núi An Khê
    - Đèo An Khê
    - cao nguyên Kontum 500 m
    - Cao nguyên Măng Đen 1200 m
    - cao nguyên Pleiku 800 m
  - dãy núi Vọng Phu
    - núi Vọng Phu 2051 m
    - cao nguyên Buôn Ma Thuột 800-300 m
    - cao nguyên Khánh Dương 500 m
  - dãy núi Tây Nam Khánh Hòa
    - Đỉnh Hòn Giao 2062 m
    - cao nguyên Lâm Viên 1500 m
    - cao nguyên M’nong (Mơ Nông) 800 m
    - cao nguyên Di Linh 1000 m

Hệ Thống Sông Ngòi Ở Miền Bắc

Hệ Thống Núi và Sông Ngòi Ở Miền Bắc

Hệ Thống Sông Ngòi Ở Miền Nam

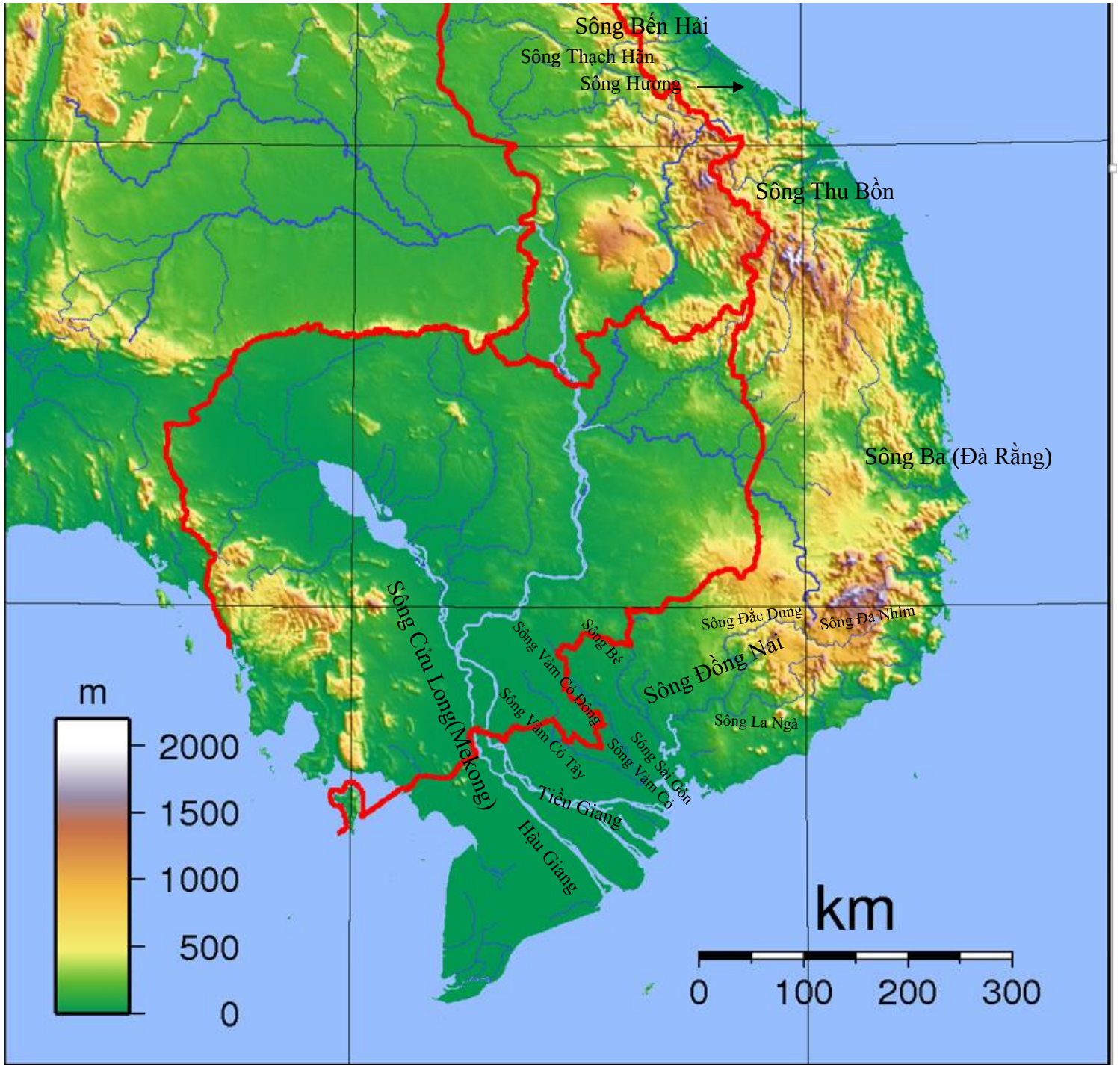

Hệ Thống Núi và Sông Ngòi Ở Miền Nam

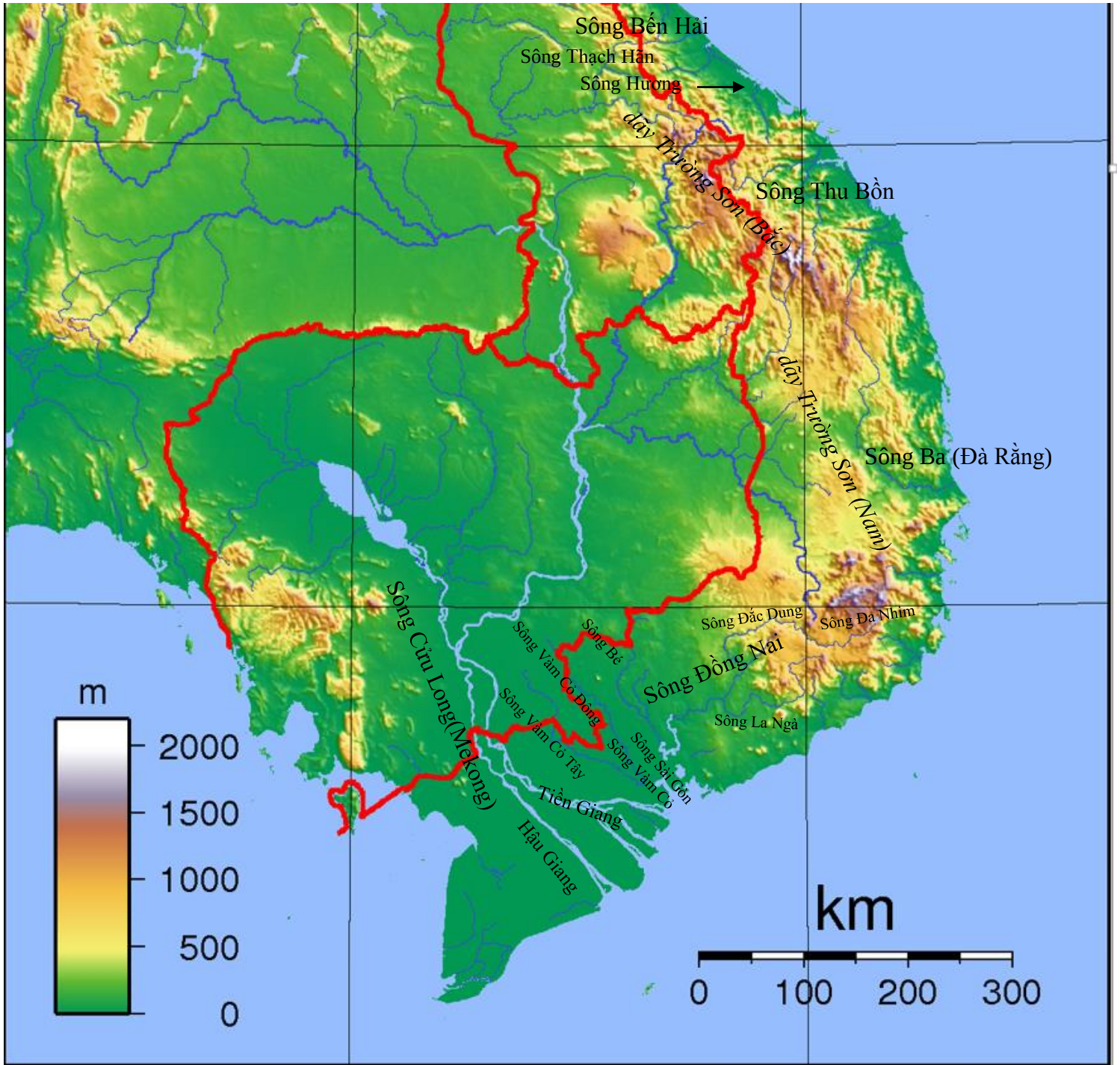

Địa Lý Nhân Văn - Danh từ căn bản

Xóm
Buôn
Làng
Xã
Phường
Quận
Huyện
Tổng
Phủ
Tỉnh
Thành
Vùng
Miền
Bang

Người Kinh
Người Thượng
- Tày
- Thái
- Mường
- Khơ Me (Miên)
- H'Mông (Mèo)
- Nùng
- Dao
- Gia Rai
- Ê Đê

Dân Tộc Thiểu Số
Sắc Tộc Thiểu Số

150. TONKIN — Bao-Ha - Femme Muong riche